

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 381/BVSNN-KD
V/v mời chào giá hóa chất, vật tư sử
dụng cho hỗ trợ sinh sản (lần 2)

Quảng Ninh, ngày 5 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: - Sở Y tế Quảng Ninh
- Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Văn bản số 5888/BYT-TB-CT ngày 29/10/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư 14/2020/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-BVSNN ngày 12/01/2022 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm trang thiết bị y tế, vật tư, hóa chất, y dụng cụ phục vụ hoạt động thường xuyên của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh;

Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm hóa chất, vật tư sử dụng cho hỗ trợ sinh sản (lần 2) (Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm).

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hóa chất nêu trên báo giá và cung cấp thông tin theo mẫu tại phụ lục 2.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 5/4/2022 đến trước 16 giờ 00 ngày 14/4/2022.

Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)

Điện thoại liên hệ: 02033.696568 hoặc 0915.694.888

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Nt (Phê duyệt);
- Lưu: VT, KHTH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

**PHỤ LỤC 1***(Kèm theo Thư mời ngày 5/4/2022 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh)*

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
Hóa chất, vật tư sử dụng cho hỗ trợ sinh sản (lần 2)				
1	Dụng cụ chứa cọng trữ phôi	Chịu được nhiệt độ âm sâu khi trữ lạnh trứng hoặc phôi. Dẹt dài 140 mm; có 7 màu để phân biệt. Phần thân trong suốt để quan sát bên trong. Cây rút bên trong để dùng lấy cọng trữ phôi. Khả năng chứa cọng trữ phôi: 3 cọng 0,5 ml (không que), 8 cọng 0,25 ml (không que), 3 cọng 90 mm (có que). Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	600
2	Dụng cụ chuyển phôi khó	1 ống bọc ngoài dài 180 mm, đường kính ngoài 2,20 mm với 2 điểm đánh dấu hướng dẫn đo từ cùng ở vị trí 55 mm và 65 mm tính từ đầu xa; - 1 thanh kim loại dễ uốn được phủ bằng PE có độ dài 180 mm, đường kính ngoài 1,55 mm; - 1 catheter chuyển phôi siêu mỏng trên ống thép không gỉ ở đầu gần giúp cho việc xử lý dễ dàng hơn; + Chiều dài catheter: 205 mm; chiều dài đầu tip: 25 mm; + Đường kính trong: 0,55 mm, đường kính ngoài: 1 mm; - Đạt chuẩn kiểm định thiết bị Y tế loại I theo chỉ thị 93/42/EEC; Dán dấu CE 0120, ; - Được khử trùng bằng chiếu xạ.	Cái	350
3	Kim chọc hút trứng	Gồm 1 nòng, đầu kim có 3 cạnh vát. Vùng phản xạ siêu âm dài 20 mm và 5 mm. Chiều dài kim: 300 mm. Đường kính ngoài / trong: 1,5 / 1,2 mm. Nối với bơm tiêm bằng khóa. Tay cầm thuận tiện có mũi tên dập nổi cho biết chiều vát kim. Không latex, khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.000
4	Môi trường hoạt hóa noãn	Môi trường dùng để kiểm tra noãn bào ở những bệnh nhân đã có quá trình thụ tinh trước đó thất bại do thiếu sự hoạt hóa noãn. Độ pH (ở 37 °C, 6 % CO ₂): 7,0 -7,6. Osmolality (mOsm/kg): 400-450. Tiệt trùng: sterile - SAL 10 ⁻³ . Endotoxins (EU/ml): < 0.25. MEA (Blastocysts after 96 h in %): ≥ 80. Thành phần gồm: NaCl, KCl, KH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ .7H ₂ O, NaHCO ₃ , CaCl ₂ .2H ₂ O, D(+)-Glucose, anhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Alaninyl-Glutamine, water, non-essential and essential Amino Acids, DMSO, Ca ²⁺ -Ionophore A23187	Lọ	6
5	Môi trường dầu phủ	Môi trường phủ dầu để giảm bốc hơi, ổn định độ pH trong quá trình IVF, ICSI. Mật độ d = 0,83-0,86 g/ml. Độ nhớt (ở 30° C): < 30 cP. Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3 Endotoxins (EU/ml) :< 0.25 ; MEA (% Blastocysts sau 96h) ≥ 80%.	Lọ	5
6	Môi trường nuôi cấy phôi từ ngày 1 đến ngày 5	Môi trường dùng để nuôi cấy phôi liên tục từ ngày 1 đến ngày 5. Độ pH (at 37°C, 6 % CO ₂) : 7.20-7.45. Osmolality (mOsm/kg): 270-290. Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3 Endotoxins (EU/ml):< 0.25; MEA (% Blastocysts sau 96h) ≥ 80%. Thành phần gồm: NaCl, KCl, KH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ x 7H ₂ O, NaHCO ₃ , CaCl ₂ x 2 H ₂ O, Dextrose-anhydrous, Na-Lactate (50% solution), Na-Pyruvate, EDTA, Na-Alanyl-Glutamine, nước, amino acids và 1% HSA.	Lọ	3
7	Môi trường tách noãn	Môi trường dùng để tách noãn có chứa HEPES, không yêu cầu CO ₂ , nhiệt độ ở 37 ° C. Độ pH (ở 37°C, 6 % CO ₂): 7.20-7.60. Osmolality (mOsm/kg): 270-290. Tiệt trùng: SAL 10-3. Endotoxins (EU/ml):< 1, MEA (% Blastocysts sau 96h) ≥ 80%. Thành phần gồm: 80 IU/ml hyaluronidasen nguồn gốc từ bò được xử lý với HEPES-buffered.	Lọ	2

8	Môi trường lọc rửa tinh trùng dùng CO2	Môi trường lọc rửa tinh trùng để ủ ấm CO2 trước khi sử dụng. Độ pH (tại nhiệt độ 37°C, 6 % CO2): 7.20-7.5. Osmolality (mOsm/kg): 270-290. Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3. Endotoxins (EU/ml): < 0.25 MEA (% Blastocysts sau 96h) ≥ 80%. Thành phần gồm: NaCl, KCl, KH2PO4, MgSO4.7H2O, NaHCO3, CaCl2.2H2O, Dextrose anhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Na-Alanyl-Glutamine, 15 mmol HEPES, H2O, amino acids, 0.5% HAS, Gentamicin, Phenolred.	Lọ	2
9	Môi trường ICSI PVP	Môi trường dùng để làm chậm khả năng vận động của tinh trùng có chứa HEPES, 10% PolyVinyl Pyrrolidone (MW 360 000), không yêu cầu CO2, nhiệt độ ở 37 ° C. Độ pH (at 37°C, 6 % CO2): 7.20-7.60 Osmolality (mOsm/kg): 280-320. Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3 Endotoxins (EU/ml): < 1.00. Độ nhớt (ở 30° C): > 170 cP; MEA (% Blastocysts sau 96h) ≥ 80%.	Hộp	3
10	Môi trường lọc tinh trùng	Môi trường pH=7.20 ± 7.6. Mức độ độc tố: 0.001. Độc tố vi khuẩn < 0.25 (IU). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kit	13
11	Môi trường đông phôi	Là môi trường đông phôi hờ. Bao gồm. Dung môi ES, dung môi VS, 4 Cryotecs và 3 mảnh 3 giếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kit	400
12	Môi trường rã đông phôi	Môi trường rã đông phôi hờ. Thành phần: Dung môi TS, dung môi DS và 01 mảnh làm ấm 4 giếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kit	450
13	Ống bơm tinh trùng dài 16,9 cm.	Ống bơm tinh trùng vào buồng cổ tử cung. Ống được thiết kế với đầu mềm, ít gây tổn thương cho buồng cổ tử cung. Có khóa cho các trường hợp dùng với bơm tiêm. Chiều dài: 169 mm ± 2 mm. Đường kính ống: 2 mm ± 0.05 mm. Thể tích: tối thiểu 0.057 ml. Được tiệt trùng từng cái. Tiệt trùng bằng nhiệt độ thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Cái	175
14	Catheter chuyển phôi	Dùng để chuyển phôi trong kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Bộ dụng cụ gồm 03 bộ phận. Gậy A-Guiding catheter. Cây B-Mandrel catheter. Cây C-Loading catheter. A-Guiding catheter có chiều dài C: 200mm (±2mm), đường kính ngoài OD: 2,00mm (±0,05mm) C-Loading catheter có chiều dài C: 266mm (±2mm), đường kính ngoài OD: 1,00mm (±0,05mm), dung tích 0,21ml. Cấu tạo catheter load phôi đầu mềm, có hỗ trợ tăng cứng phía trong để dễ dàng load phôi và chuyển phôi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	800
15	Kim giữ noãn	Kim được làm từ thủy tinh borosilicate (O.D 1mm; I.D 0,75 mm). Tổng chiều dài là 5,5 mm, đầu mở được đánh bóng. Chiều dài của tay là 1mm. Góc từ 20 – 400. Kích cỡ đường kính kim: O.D 120 um. Loại nhỏ và vừa có I.D từ 15 – 20 um. Loại dài có I.D dài 25 um. Giữ kim được thiết kế thẳng hoặc góc cong. Giữ kim chỉ sử dụng 1 lần. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	20
16	Kim tiêm tinh trùng vào bào tương trứng	Kim được làm từ thủy tinh borosilicate (O.D 1mm; I.D 0,78 mm). Tổng chiều dài là 5,5 mm. Đầu kim nhọn và cong 35°. Chiều dài của tay là 0,5 mm, nghiêng 35° với I.D của tip từ 4,5 – 5um. Đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	400
17	Kim sinh thiết phôi nang (phôi ngày 5)	Kim được dùng để tiêm, đưa tinh trùng trực tiếp vào tế bào trứng. Kim được làm từ thủy tinh borosilicate (O.D 1mm; I.D 0,78 mm). Tổng chiều dài là 5,5 mm. Đầu kim nhọn và cong 35 độ. Chiều dài của tay là 0,5 mm, nghiêng 35° với I.D của tip từ 30um. Phần đầu tip được vát để tăng diện tích bám vào thành phôi.	Cái	20
18	Ống đông tinh 1,8 ml	Ống chuyên dùng để đông tinh. Ống có hình dạng hình tròn. Trên thân ống có nhãn, có thể viết để đánh dấu được. Dung tích chứa tinh trùng: 1,8 ml. Tổng chiều dài: 44 ml. Đường kính: 12,4 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Cái	50
19	Cọng trữ trứng, phôi	Cọng trữ trứng, phôi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.500

20	Dung dịch vệ sinh từ cây	An toàn, không độc, khử trùng bề mặt kim loại. Đã được thử nghiệm MEA. Không độc hại, không cồn, không mùi không gây ảnh hưởng đến phôi trứng. Không cần pha loãng với nước. Không tạo các chất VOC trong các thiết bị nuôi phôi và trong phòng lab.	Bình	3
21	Dung dịch vệ sinh sàn	Dung dịch dùng để khử khuẩn, nấm trên trên bề mặt sàn. Đã được thử nghiệm MEA, HSSA. Không chứa cồn. Diệt khuẩn, diệt nấm (candida), algacide và selectively virucide. Hòa tan vết máu khô. Tương thích với kim loại, nhựa, cao su và gỗ. Không tạo các chất VOC trong phòng lab nên không ảnh hưởng đến chất lượng phôi.	Bình	2
22	Hộp nuôi cấy 4 giếng	Là loại hộp nuôi cấy 4 giếng. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Đã được thử nghiệm MEA, LAL, SMI. Trong, rõ khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt khi để trên đĩa nhiệt. Chiều cao đĩa: 9,5 mm. Đường kính đĩa: 15,5mm. Dung tích: 1,8ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	480
23	Hộp nuôi cấy 35 mm	Kích cỡ 35mm. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Trong, rõ khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt khi để trên đĩa nhiệt. Được thiết kế có khe rãnh. Chiều cao đĩa: 8 mm. Đường kính đĩa: 34,7mm. Dung tích: 7,5ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	480
24	Đĩa Petri nhỡ 1 lòng	Kích cỡ 100mm, 1 lòng. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Trong, rõ khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt khi để trên đĩa nhiệt. Chiều cao đĩa: 22 mm. Đường kính đĩa: 93,7mm. Dung tích: 15.ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	250
25	Đĩa Petri nhỡ 2 lòng	Hộp nuôi cấy 2 giếng. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Trong, rõ khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt khi để trên đĩa nhiệt. Được thiết kế có khe rãnh. Chiều cao giếng ngoài của đĩa: 11,9 mm. Đường kính giếng ngoài của đĩa: 53,7mm. Chiều sâu giếng ngoài của đĩa: 7mm. Dung tích giếng ngoài: 10ml. Đường kính giếng trong của đĩa: 18,7mm. Chiều sâu giếng trong của đĩa: 4mm. Dung tích giếng trong: 1ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	500
26	Đĩa nuôi cấy 60 mm	Kích cỡ 60mm. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Trong, rõ khi soi dưới kính hiển vi. Dẫn nhiệt khi để trên đĩa nhiệt. Được thiết kế có khe rãnh. Chiều cao đĩa: 12 mm. Đường kính đĩa: 53,7mm. Dung tích: 27ml. Được tiệt trùng với tia Gamma từng túi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	500
27	Lọc khí CO2	Cấu tạo bộ lọc không có thành phần hóa chất. Bộ lọc khí hình trụ tròn chức năng lọc triệt để các khí VOCs, CACs, vi khuẩn, các loại mùi, bụi, các hợp chất hóa học không gây hại và các phần tử hạt bụi nhỏ. Bộ lọc với than hoạt tính tinh khiết và màng lọc PTPE 0.2 μ giúp loại bỏ tối đa vi khuẩn và lọc có hiệu quả 10 cfu/cm ² . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	30
28	Bơm tiêm 10 ml chọc trứng	Bơm tiêm 3 nắp được đã tiệt trùng riêng từng chiếc. Đầu bơm nằm ở giữa. Được làm bằng vật liệu Polystyrene. Dung tích: 10 ml.	Cái	11.000
29	Bơm tiêm 3 nắp 1ml	Là loại bơm tiêm 3 nắp được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Đầu bơm nằm ở giữa. Bơm tiêm được làm bằng vật liệu Polystyrene. Kích thước: 0,45 mm x 13 mm. Dung tích: 1 ml. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.200
30	Ống nghiệm tiệt trùng 5 ml.	Ống được làm bằng Polystyrene siêu sạch hoàn toàn. Là loại ống nghiệm đáy tròn, có nắp 2 nắp, được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Chiều cao của ống: 75,54 mm. Đường kính phía nắp ống: 12,40 mm. Đường kính phía nắp đáy: 11,68 mm. Dung tích: 5ml Trạng thái ổn định ở nhiệt độ từ 4 đến 60 độ C. Có thể chịu được lực ly tâm ở mức 1400 rcf. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Ống	2.000

31	Ống nghiệm tiệt trùng 14 ml.	Ống được làm bằng Polystyrene siêu sạch hoàn toàn. Là loại ống nghiệm đáy tròn, nắp xoáy đường gen, được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Chiều cao của ống: 95,58 mm. Đường kính phía nắp ống: 17,60 mm. Đường kính phía nắp đáy: 15,88 mm. Dung tích: 14 ml. Trạng thái ổn định ở nhiệt độ từ 4 đến 60 độ C. Có thể chịu được lực ly tâm ở mức 1400 rcf. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Ống	2.000
32	Ống ly tâm tiệt trùng 15 ml.	Ống được làm bằng Polystyrene siêu sạch hoàn toàn. Là loại ống nghiệm đáy nhọn, nắp xoáy đường gen, được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Chiều cao của ống: 119,6 mm. Đường kính phía nắp ống: 17,68 mm. Đường kính phía nắp đáy: 15,77 mm. Chiều dài đáy phần nhọn: 22,48. Dung tích: 15 ml. Trạng thái ổn định ở nhiệt độ từ 4 đến 60 độ C. Có thể chịu được lực ly tâm ở mức 1800 rcf. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Ống	1.500
33	Pipette hút mẫu 1ml tiệt trùng đơn chiếc.	Pipette hút mẫu được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Được làm hoàn toàn bằng Polystyrene. Kích thước: A = 279,40 mm. (Chiều dài pipette), B = 3,35 mm. (Đường kính ở phía dưới cùng của pipette), C = 4,65 mm. (Đường kính ở đầu trên của pipette), D = 4,65 mm. (Đường kính ở giữa pipette) Dung tích pipette: 1 ml. Sai số: +/- 3%. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Cái	6.000
34	Pipette Pasteur tiệt trùng	Được làm bằng thủy tinh và chuyên sử dụng trong lĩnh vực hỗ trợ sinh sản. Được đóng gói tiệt trùng. Chiều dài: 150 mm. Đường kính bên ngoài: từ 6.8 – 7.1 mm. Độ dày của lớp thủy tinh: từ 0.5 – 0.53 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	4.000
35	Pipette tiệt trùng 10 ml	Chất liệu: Polystyrene. Được tiệt trùng riêng từng chiếc. Kích thước: Chiều dài: 346.81mm. Đường kính phía dưới cùng: 3.3mm. Đường kính ở đầu trên: 8.05mm. Đường kính ở giữa: 9.61mm. Dung tích: 10ml.	Cái	6.000
36	Đầu tip tiệt trùng đơn chiếc 2µl-200 µl	Đầu tip được tiệt trùng và đóng gói riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 2 – 200 µl. Chiều dài đầu tip: 53 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.000
37	Đầu côn tiệt trùng đơn chiếc 0,1µl - 20µl	Là loại đầu tip được tiệt trùng riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 0,1 – 20 µl. Chiều dài đầu tip: 40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.000
38	Lọ lấy mẫu tinh dịch	Dung tích lọ: 125 ml. Lọ được tiệt trùng riêng từng chiếc. Nắp lọ màu đỏ và có rãnh. Thân lọ có 4 vạch chia. Thân lọ có vị trí ghi thông tin. Lọ được làm bằng nhựa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.000
39	Bao cao su dùng cho đầu dò máy siêu âm để lấy noãn	Là loại bao cao su chuyên dụng dùng cho đầu dò siêu âm. Không chứa chất diệt tinh trùng. Sử dụng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.000
40	Găng tay không bột chuyên dùng cho hỗ trợ sinh sản	Là loại găng tay không bột. Được làm từ cao su tự nhiên cao cấp. Được tiệt trùng bằng tia gamma. Độ đàn trước khi lão hóa: tối thiểu 750. Độ đàn sau khi lão hóa: tối thiểu 560. Chiều dài của găng tay 280mm. Chiều rộng của găng tay 89 mm ± 5mm. Cường độ kéo trước khi lão hóa: tối thiểu 24Mpa. Cường độ kéo sau khi lão hóa: tối thiểu 18Mpa.	Đôi	3.000
41	Dung dịch nhuộm Hematoxylin	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	4
42	Đĩa nuôi cấy phôi cố định dùng cho tù nuôi cấy phôi	Đĩa nuôi cấy phôi cố định, sử dụng cho tù nuôi cấy phôi Geri. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	300
43	Lọc khí sạch cho tù nuôi cấy phôi	Lọc khí sạch cho tù nuôi cấy phôi Geri Filter. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	240
44	Bình nước cân bằng môi trường cho tù nuôi cấy phôi	Bình nước cân bằng môi trường. Dùng cho tù nuôi cấy phôi Geri. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	240
45	Khí trộn cho tù nuôi cấy phôi	Thành phần: 6% CO2 + 6% O2 trong N2. Áp suất: 144 bar. Tol: +/- 10%. Acc: +/- 2%. Van BS3. Dung lượng khí: 7,2 M3. Sử dụng được cho tù nuôi cấy phôi Geri	Chai	17
46	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP gồm 1 ống KIT 11ml có chứa gel và chất chống đông ACD-A. Quá trình chuẩn bị 6 bước trong thời gian quay 10 phút. Bao gồm thêm: 1 Kim cánh bướm 21G, 1 Holder sử dụng một lần, 1 kim chọc tuý Nhật số 18. Bảo quản tube ở nhiệt độ 4-25°C. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Bộ	50

Tên nhà thầu: Công ty
 Địa chỉ liên hệ:
 Điện thoại:
 Email:



PHỤ LỤC 2

BÁO GIÁ TRANG THIẾT BỊ, HOÁ CHẤT, SINH PHẨM Y TẾ

Công ty xin gửi tới quý cơ quan/đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau:

Đơn vị: VND

STT	Mã hàng hóa dùng chung theo quy định	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, Ký mã hiệu hàng hóa	Thông số kĩ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Hàng chủ sở hữu	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Phân nhóm theo TT 14/2020	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất				Ghi Chú	
															Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra quyết định		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
1																				
2																				
3																				

Ghi chú:

(09) là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Bệnh viện. Giá trúng thầu ưu tiên tham khảo giá đã được công khai trên cổng thông tin của Bộ Y tế.
 Báo giá này có hiệu lực.....kể từ ngày ký

Ngày.....tháng.....năm 2022
 Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]